

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VN  
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 06 tháng 5 năm 2022  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

. Ông Hà Ngọc Phi

. Bà Vũ Thị Kim Trinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Hồng Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm: 1980; trú tại: Thôn VH, xã VP, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Quốc H - sinh năm: 1983; hộ khẩu thường trú: Thôn VR, xã HXN, thị xã ĐH, tỉnh PY; chỗ ở hiện nay: Thôn VH, xã VP, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22/11/2021, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phạm Quốc H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 5 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HXN, huyện ĐH (nay là thị xã ĐH), tỉnh PY theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyền số 01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham mê rượu chè, cờ bạc, mỗi lần đi nhậu về là kiếm chuyện gây gổ với chị T. Anh H còn ghen tuông vô cớ, không có sự tin tưởng vào tình cảm vợ chồng, kiểm soát tất cả các mối quan hệ của chị T ngoài xã hội từ đó lăng mạ, xúc phạm làm mất uy tín, danh dự của chị. Vợ chồng không có sự thấu hiểu, thông cảm và tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vào năm 2017, chị T có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện VN yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H, sau khi được thẩm phán giải thích, hòa giải chị T đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ quay về chung sống với nhau (Quyết định đình chỉ vụ án hôn nhân gia đình số 42/2017/QĐST- HNGĐ ngày 14/8/2017). Nhưng từ đó đến nay, anh H vẫn không thay đổi tính tình, chứng nào tật nấy làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, gay gắt hơn. Hiện nay, vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng đã mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Phạm Ngọc Minh L1 - sinh ngày 06/9/2014 và Phạm Ngọc Khánh L2 - sinh ngày 21/3/2019. Chị T yêu cầu giải quyết được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Phạm Quốc H để trình bày ý kiến về việc chị T khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh H, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Quốc H - hộ khẩu thường trú: Thôn VR, xã HXN, thị xã ĐH, tỉnh PY; chỗ ở hiện nay: Thôn VH, xã VP, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Bị đơn anh Phạm Quốc H đã được Tòa án

nhân dân huyện VN triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Quốc H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Phạm Quốc H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị T và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phạm Quốc H là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 19, quyển số 01/2013, ngày 31 tháng 5 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HXN, huyện ĐH (nay là thị xã ĐH), tỉnh PY, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T, biên bản xác minh thì trong quá trình vợ chồng chị T, anh H sống chung với nhau, Công an địa phương nhiều lần nhận được tin báo về việc vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đập phá tài sản trong nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh H đều không có mặt, chứng tỏ anh H không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh H theo chị T trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu nhau. Anh H còn đam mê rượu chè cờ bạc, ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chị T. Vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau. Những điều này làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị T đã từng nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện VN yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H vào năm 2017. Nhưng sau khi được nghe giải thích, hòa giải chị T đã tự nguyện rút đơn khởi kiện, vợ chồng quay về chung sống với nhau. Nhưng sau đó giữa vợ chồng chị vẫn tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[3] Về con chung: Chị T, anh H có 02 (hai) con chung là Phạm Ngọc Minh L1 - sinh ngày 06/9/2014 và Phạm Ngọc Khánh L2 - sinh ngày 21/3/2019. Chị T có yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu L1 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; cháu L2 còn nhỏ cần được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về việc giải quyết con chung. Vì vậy việc giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh Phạm Quốc H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh H.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Phạm Quốc H.

2. Về con chung: Giao các con chung Phạm Ngọc Minh L1 - sinh ngày 06 tháng 9 năm 2014 và Phạm Ngọc Khánh L2 - sinh ngày 21 tháng 3 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003203 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã HXN, thị xã ĐH, tỉnh PY;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Vũ Tuyết Mỹ**